

“LỜI MỜI ĐẾN VỚI XÃ HỘI HỌC...”: MỘT LỜI MỜI CUỐN HÚT

PHẠM VĂN BÍCH*

Sách nhập môn xã hội học thường được xuất bản nhiều lần, và để đứng vững trước sự thử thách của thời gian, mỗi lần tái bản đều cần cập nhật, chỉnh sửa và bổ sung. Tuy nhiên, có một cuốn không trải qua chỉnh lý, sửa đổi và bổ sung nhưng đến nay, sau hàng chục năm, vẫn giữ nguyên được cái hay, sức hấp dẫn của nó. Đó là “*Invitation to sociology: a humanistic perspective*” (“Lời mời đến với xã hội học: một góc nhìn nhân văn”) của tác giả Mỹ Peter Berger mà một pho từ điển xã hội học gần đây coi là “có ảnh hưởng sâu rộng” (Abercrombie et al., 2006:30). Một từ điển khác cũng cho rằng mặc dù ra đời cách đây gần nửa thế kỷ, sách “vẫn là tài liệu nhập môn xã hội học có ảnh hưởng sâu rộng và dễ đọc” (Dillon, 2006:37). Không chỉ được đưa vào từ điển, cuốn sách đó còn được nhiều giáo trình xã hội học khác trích dẫn (ví dụ Robertson, 1977:4, 5, 25, 26-27; Landis, 2001:455-456; Stark, 2004:7; Giddens, 2006:94). Nhiều độc giả Việt Nam đã có dịp làm quen với những trích đoạn ngắn mà hàm súc từ sách này trong bản dịch “Nhập môn xã hội học” của nhóm tác giả người Anh do Tony Bilton đứng đầu (Bilton et al., 1987:5, 6, 19; 1993:21, 34). Bài viết này xin giới thiệu đôi nét về quyển sách đầy cuốn hút ấy.

Xã hội học và cái hay, cái lý thú của nó

Dày 219 trang, khổ nhỏ bằng lòng bàn tay, bao gồm 8 chương, sách nhằm vào “[...] những ai vì lý do này hay lý do khác đã đi đến chỗ đặt câu hỏi về xã hội học” mà “trong số đó có những sinh viên đang đùa chơi với ý tưởng tìm hiểu xã hội học một cách nghiêm túc cũng như những thành viên lớn tuổi hơn” của một “lớp công chúng có học” và cả một vài nhà xã hội học nữa (Berger, 1963:7¹). Cuốn sách nhập môn về xã hội học này được nhiều tác giả coi là khác thường (Jary et al., 1991:32). Tuy cùng trả lời cho hai câu hỏi (xã hội học là gì? và nhà xã hội học làm gì?) như hầu hết các sách nhập môn khác, nhưng Berger đưa ra những lời đáp hết sức đặc biệt.

Chương 1 được tác giả đặt nhan đề gây sốc “Xã hội học với tư cách là một kiểu tiêu khiển cá nhân” - theo nghĩa “nó tạo hứng thú đối với một số người và gây nhàm chán cho những người khác” (Berger, 1963:36). Tuy nhiên, ông đã chỉ rõ rằng: “[...] chúng ta cũng đã nói không đúng thực chất ở tựa đề của chương này” (Berger, 1963:36). Ông khẳng định: xã hội học còn hơn là một kiểu tiêu khiển, mà đúng ra là một đam mê, một đam mê đặc biệt bởi sức thu hút mãnh liệt của nó. “Nhưng cụm từ “tiêu khiển” quá yếu khi mô tả điều chúng ta muốn nói. Xã hội học giống với một đam mê nhiều hơn. Nhân quan xã hội học giống nhiều hơn với con quỷ, nó ám ta, hết lần này đến lần khác nó xông xộc đưa lối

* PGS.TS, Viện Xã hội học.

¹ Những trích dịch là từ bản tiếng Anh. Độc giả nào quan tâm có thể tìm đọc bản dịch trong kho tư liệu không xuất bản tại thư viện Viện Xã hội học (PVB).

dẫn đường ta đến với những câu hỏi của chính bản thân nó. Do vậy, việc làm quen với xã hội học là lời mời đến với một loại đam mê rất đặc biệt” (Berger, 1963:36). Tác giả lần lượt điểm qua những quan niệm phổ biến, những hiểu lầm và ngộ nhận về xã hội học, và chỉ ra, phân tích những thiếu sót của nó, rồi chỉnh sửa nó. Ví dụ Berger nêu bật khác biệt giữa xã hội học với công tác xã hội, nhà xã hội học với nhà cải cách xã hội, và xã hội học với thống kê. Sau đó ông định nghĩa xã hội học và nhà xã hội học. Coi xã hội học là một khoa học về sự phát triển cùng bản chất và những quy luật của xã hội con người, ông viết: “Vậy thì nhà xã hội học là người quan tâm tìm hiểu xã hội theo một cách thức riêng của ngành mình. Bản chất của ngành này là khoa học” (Berger, 1963:27). Cụ thể hơn, nhà xã hội học phải tuân thủ những quy tắc về bằng chứng, có thái độ khách quan, gạt bỏ những thiên kiến của bản thân, biết sử dụng chính xác các thuật ngữ và quan tâm đến lý thuyết (Berger, 1963:27-28).

Coi xã hội học là “một trò chơi quý phái” (Berger, 1963:7) trong các ngành học thuật, Berger nêu ra và ca ngợi những niềm vui, nỗi hào hứng mà xã hội học mang lại cho người làm nghề này. Sự độc đáo, nét riêng của “Lời mời...” là ở chỗ cuốn sách như một bản tụng ca về những niềm vui, cái hay, cái lý thú của xã hội học. Không điểm lại có hệ thống bộ môn này, mà cuốn sách cảm dỗ người đọc vào một trò chơi bằng những mẫu hàng được trưng bày trên bàn giới quý phái (Jary et al., 1991:33). Nét khu biệt của nhân quan xã hội học là nó tập trung vào tương tác con người và cách thức xem xét tương tác đó. “Nhà xã hội học không nhìn vào các hiện tượng mà không ai khác biết đến. Mà anh ta nhìn vào cùng một hiện tượng như mọi người song theo một cách khác” (Berger, 1963:40). Cách khác đó là gì? Berger cho rằng xã hội học mời gọi ta trở thành một người lạ trong môi trường và cảnh quan quen thuộc của chúng ta. Nó cho phép nhìn theo lối mới vào cái thế giới mà ta vẫn luôn coi là đương nhiên (tức là đã rõ ràng, hiển nhiên, đúng đắn, và ta đã biết đầy đủ về nó rồi nên không cần tìm hiểu thêm nữa), để khảo sát môi trường quanh ta với sự tò mò và niềm say sưa mà ta chỉ có khi gặp một nền văn hóa mới. Ông so sánh những phát hiện gây sốc của xã hội học với khám phá của các nhà nhân học (một ngành khoa học vốn tìm hiểu các nền văn hóa xa lạ và thường tìm ra cái gọi là “cú sốc văn hóa”, ví dụ tục ăn thịt người). “Có thể mô tả cảm nghiệm về những khám phá xã hội học là một “cú sốc văn hóa” chỉ có điều nó không bao hàm sự di chuyển vượt qua địa giới. Nói cách khác, nhà xã hội học du hành trong nước - nhưng với những kết quả gây sốc” (Berger, 1963:35).

Như vậy, khác với nhân học, nhà xã hội học không đi tìm hiểu những xã hội khác lạ, mà thường say mê với cái quen thuộc. Đôi khi các nhà xã hội học khảo sát những thế giới mà trước đây họ chưa biết. Song các nhà xã hội học cũng thường khảo sát những lĩnh vực hành vi vốn quen thuộc đối với họ và với hầu hết những người trong xã hội của họ, thông qua hoặc kinh nghiệm trực tiếp hoặc qua báo chí. Sự độc đáo là nhân quan xã hội học giúp ta nhìn cái đã quen thuộc - thậm chí nhàm chán - dưới một ánh sáng mới mẻ và thanh tân. Đây chính là niềm vui và sự hào hứng mà xã hội học mang lại. “Đó không phải sự hào hứng khi đến một nơi hoàn toàn mới lạ, mà đúng hơn là nỗi hào hứng trong việc tìm ra rằng cái quen thuộc đã mang một ý nghĩa khác hẳn. Sức quyến rũ mê hồn của xã

hội học là ở thực tế này: cách nhìn của nó khiến cho ta thấy được chính cái thế giới mà suốt đời chúng ta đã và đang sống dưới một ánh sáng mới” (Berger, 1963:32-33). Các nhà xã hội học nỗ lực tiếp cận cái thế giới mà chúng ta coi là đương nhiên, và xem nó như thể một lĩnh vực mới, chưa hề được khám phá. Họ nhìn sâu xa hơn những động cơ và lý giải chính thức mà con người ta đưa ra về niềm tin và hành vi của mình.

Vì xã hội học mang những đặc điểm như vậy, Berger không chỉ mời gọi đến với nó, mà còn khuyến cáo một số người nhất định không nên tìm tới nó. Đó là những ai thích sự tuân thủ các quy tắc thay vì những khám phá gây sốc, những ai không thấy tò mò về con người, và những ai chỉ quan tâm đến con người nhằm mục đích thực dụng là chỉnh sửa, cải biến họ. “Người nào muốn tránh những khám phá gây sốc, thích tin rằng xã hội đúng là cái mà họ vẫn được dạy ở trường đạo ngày Chủ nhật, thích các quy tắc được tuân thủ chứ không bị vi phạm và thích những châm ngôn của cái mà Alfred Schuetz đặt tên “thế-giới-được-coi-là-đương-nhiên” thì nên tránh xa xã hội học. Những ai không hề thấy cảm dỗ trước cánh cửa khép chặt, không hề thấy tò mò về con người, những ai chỉ bằng lòng với việc ngắm cảnh mà chẳng đặt câu hỏi về những người sống trong các ngôi nhà ở phía bên kia sông thì cũng nên tránh xa xã hội học. Bởi họ sẽ thấy nó chẳng thú vị gì, hay, dù sao đi nữa, cũng chẳng mang lại lợi lộc nào. Cũng nên cảnh báo như thế với những ai chỉ quan tâm đến con người khi nào họ có thể thay đổi, cải hóa hoặc chỉnh sửa họ, vì họ sẽ thấy xã hội học kém hữu dụng hơn hẳn so với kỳ vọng của họ. [...] Xét về lâu về dài, xã hội học sẽ chỉ mang lại sự thỏa mãn cho những ai không hình dung được điều gì mê ly hơn là quan sát con người và hiểu được những sự việc thuộc về con người” (Berger, 1963:35-36). Bằng cách nói ngược như vậy, Berger đã nêu bật được và nhấn mạnh những phẩm chất cần có ở nhà xã hội học.

Sang chương 2 với nhan đề “Xã hội học với tư cách là một hình thái ý thức”, Berger phân tích những đặc điểm của xã hội học không chỉ ở khía cạnh một khoa học, mà cả với một tư cách mà ông gọi là “hình thái ý thức xã hội” của nó. Ông coi xã hội học là một cách nhìn, một cách nghĩ, hay một cách xem xét và tìm hiểu hiện thực xã hội. Theo ông, xã hội học chẳng phải cái gì khác hơn là một hình thái ý thức đặc biệt. Ông dành toàn bộ chương 2 để nêu ra và phân tích bốn khía cạnh mà ông gọi là chủ đề quán xuyên của ý thức xã hội học.

Thứ nhất là xu hướng bóc trần sự thật, và thể hiện ở việc xã hội học tìm hiểu cả những điều mà nhiều người cho là đương nhiên. Theo lời ông, “trong ý thức xã hội học vốn có một chủ đề quán xuyên là bóc trần sự thật”, và chủ đề ấy “có gốc rễ không phải về tâm lý, mà về phương pháp luận” (Berger, 1963:51). Hoạt động của con người có nhiều tầng ý nghĩa mà một vài trong số đó khó hiển thị, khó nhìn thấy đối với tri thức thông thường. Nhà xã hội học quan tâm nhất đến những tầng ý nghĩa khó thấy này. Nhận quan xã hội học vừa sâu sắc vừa khác thường: nó giúp ta nhìn xuyên qua dưới bề mặt của các sự vật và những quan niệm phổ biến. Nó thậm chí đòi hỏi phải nghi ngờ những cách nhìn nhận và diễn giải các sự kiện mà các nhà chức trách chính thức (dù về chính trị, pháp lý hay tôn giáo) đưa ra.

Đối với Berger, nhãn quan xã hội học mang tính chất phê phán và nhân văn chủ nghĩa trong những quan tâm của nó. Xã hội học có tác động giải phóng vì nó giúp phơi bày những thực tế được coi là đương nhiên để thấy rõ thực chất của chúng: những cái mà trên bề mặt có vẻ đúng nhưng nhìn gần hơn thì thường chỉ đúng phần nào hoặc thậm chí không đúng. Xã hội học đi vượt ra khỏi cái mà nhiều người coi là đã hiển nhiên; nó đặt câu hỏi ở nơi mà hầu hết con người ta không đặt ra. Thói quen này đã ăn sâu vào cách tiếp cận lý thuyết và khảo cứu của nhà xã hội học. Họ muốn phơi trần những điều hư cấu ra về mặt xã hội đằng sau cái mà mọi người đều biết, và chứng minh rằng các sự vật không phải bao giờ cũng đúng như vẻ ngoài của chúng. Chính đây là cái mà Berger gọi là “chủ đề quán xuyên” của xã hội học – chủ đề bóc trần sự thật.

Như ông tuyên bố, “có thể nói sự thâm thúy đầu tiên của xã hội học chính là điều này – thực chất các sự vật không phải như là vẻ ngoài của chúng” (Berger, 1963:34). Nhà xã hội học thường “lột bỏ chiếc mặt nạ mà con người ta vẫn khoác phủ lên những ý muốn và lời tuyên truyền của họ trong hành động đối với nhau” (Berger, 1963:51). Do đó xã hội học thường xuyên nỗ lực tìm những lời lý giải nằm ở nền tảng của các hiện tượng, thay vì dễ dãi chấp thuận những lý giải tiện dụng sẵn có hay cổ truyền mà con người ta thường nhẹ dạ tin theo. Ví dụ nhà xã hội học coi trọng việc gạt bỏ những lý giải của tri thức thông thường sang một bên và xác định xem mối liên hệ thật sự giữa việc làm luật phòng chống ma túy với tỉ lệ tội phạm đó là gì, hay mối quan hệ giữa việc áp dụng án tử hình với tỉ lệ giết người ra sao.

Để lấy một ví dụ về quá trình “nhìn xuyên thấu qua mặt tiền” và bề ngoài của cấu trúc xã hội, Berger xem xét tình yêu và hôn nhân. Ông cho rằng nhãn quan xã hội học giúp ta phát hiện ra sai sót trong quan niệm của ý thức thông thường rằng tình yêu không biết đến giới hạn, và sự chọn vợ chọn chồng vượt qua mọi ranh giới về sắc tộc, tôn giáo và giai cấp v.v. Kết quả những cuộc nghiên cứu nhằm trả lời cho câu hỏi “Ai yêu ai?” và “Ai kết hôn với ai?” cho thấy sự lựa chọn của trái tim chịu sự chi phối mạnh mẽ của các nhân tố xã hội. “Tuy nhiên, ngay khi người ta khảo sát xem ai thật sự kết hôn với ai, người ta sẽ thấy rằng có vẻ như mũi tên của thần Cupid bị chỉ đạo rất mạnh mẽ để bay dọc theo và bên trong những kênh tuyến xác định về thành phần xuất thân giai cấp, thu nhập, giáo dục, chủng tộc và tôn giáo [...] Nổi nghi ngờ bắt đầu rõ hơn rằng hầu hết thời gian, không phải tình yêu tạo ra một loại quan hệ nhất định, mà rút cục chính những quan hệ tiền định kỹ càng và thường được lên kế hoạch trước đã tạo ra thứ tình cảm mong muốn. Nói cách khác, khi những điều kiện nhất định được đáp ứng hoặc được tạo ra, người ta mới cho phép mình “phải lòng”. Nhà xã hội học khảo sát mô thức “trao đổi tìm hiểu nhau” và hôn nhân của chúng ta sẽ phát hiện thấy ngay cả một phức thể động cơ có liên quan theo nhiều cách khác nhau tới toàn bộ cơ cấu thể chế nơi cá nhân sống - giai cấp, đường công danh, tham vọng kinh tế, khát vọng quyền lực và uy tín. Phép màu của tình yêu bây giờ bắt đầu trông có vẻ không đúng nữa” (Berger, 1963:48). Đây là một ví dụ tiêu biểu cho thấy nhãn quan xã hội học sâu sắc như thế nào so với quan niệm thông thường.

Thứ hai, mặc dù hầu hết xã hội học đề cập đến cái đáng kính, nhưng một phần xã

hội học dành riêng nghiên cứu cái không đáng kính. Tất cả những gì con người ta làm, dù đáng kính hay không đáng kính, đều được nhà xã hội học tìm hiểu. Thậm chí nhà xã hội học còn không quá lệ thuộc vào những quan điểm chính thống; họ xem xét cả những điều không đáng kính. Theo lời Berger, xã hội học “bỏ qua những quan điểm chính thống về đời sống cộng đồng, để xem xét hiện thực xã hội của cộng đồng không chỉ từ góc nhìn của tòa thị chính thành phố, mà cả từ nhà tù thành phố. Thể thức xã hội học này *ipso facto* (tự bản thân nó) là một sự bác bỏ cái tiên đề mặc định đáng kính rằng chỉ những quan điểm nào đấy về thế giới mới đáng được xem xét nghiêm túc” (Berger, 1963:59-60).

Thứ ba, các nhà xã hội học có nhãn quan tương đối luận. Họ hiểu rằng mọi sự mang tính tương đối theo nghĩa nó có thể thay đổi và thay đổi không ngừng. Điều đó là do đời sống hiện đại thay đổi liên tục. “Sống trong xã hội hiện đại nghĩa là sống ở giữa những vai trò thay đổi liên tục như một chiếc kính vạn hoa” (Berger, 1963:62). Theo Berger, “xã hội học rất hòa hợp với tính chất của thời hiện đại chính bởi vì nó thể hiện ý thức của một thế giới nơi các giá trị hoàn toàn chỉ là tương đối” (Berger, 1963:61).

Thứ tư, nhãn quan xã hội học mang tính chất thế giới chủ nghĩa. Nhà xã hội học nghiên cứu những mẫu hình tương tác của con người trong nhiều nền văn hóa khác nhau và trong nhiều điều kiện khác nhau. Họ học được rằng hành vi, các ý tưởng và thể chế mang tính chất tương đối, chỉ thích hợp với những nền văn hóa đặc thù và những nơi chốn cụ thể. Vì vậy nhà xã hội học phải có một nhãn quan rộng lớn, mang tính chất thế giới chủ nghĩa. Họ phải có quan điểm toàn thế giới, và điều này trở thành một bộ phận trong ý thức của họ. “Nhãn quan xã hội học là một cách nhìn rộng lớn, mở ngỏ và tự do về cuộc sống con người. Trong điều kiện tốt nhất, nhà xã hội học là một người ưa thích những miền đất khác, tự trong thâm tâm đã mở lòng cho sự phong phú vô bờ bến của khả năng con người, khao khát những chân trời mới và những thế giới mới mang ý nghĩa con người” (Berger, 1963:67).

Như vậy, xã hội học khiến một số người lo sợ vì nó đặt câu hỏi nghi ngờ cái mà họ thường coi là đương nhiên. Ví dụ nhà xã hội học đặt những câu hỏi như: xã hội thật sự vận hành như thế nào? Ai thật sự có quyền lực? Ai được hưởng lợi từ cách tổ chức xã hội hiện hành và ai thì không? Đặt câu hỏi như vậy có nghĩa là nhà xã hội học quan tâm nhìn vượt ra khỏi những cách xác định tình huống chính thống mà nói chung chúng ta đã chấp nhận. Như Berger nói, “nhãn quan xã hội học kéo theo một quá trình ‘nhìn xuyên thấu qua’ mặt tiền của các cấu trúc xã hội” (Berger, 1963:43). Ông kết luận: “Chúng tôi dám chắc rằng một bộ phận hợp thành của trí tuệ văn minh trong thời đại của chúng ta là cần tiến tới tiếp xúc với cái hình thức tư duy phê phán phản biện riêng có ở thời hiện đại và hết sức hợp thời mà chúng tôi gọi tên là xã hội học” (Berger, 1963:198).

Nhận cảm hứng từ Berger truyền cho, chúng ta có thể nâng khẳng định của ông thành tiên đề mặc định nền tảng và ngầm ẩn của xã hội học là như sau: các sự vật không phải lúc nào cũng như vẻ ngoài của chúng, và nhiệm vụ của nhà xã hội học là phải thường xuyên kiểm chứng mọi điều, chứ không thể coi nó là đương nhiên.

Một công hiến vào lý thuyết xã hội học

Tiếp đó, Berger chuyển sang một chủ đề mà cho đến nay - những thập niên đầu của thế kỷ XXI - vẫn còn mang tính thời sự nóng hổi và là đối tượng tranh luận về lý thuyết trong xã hội học. Đó là mối quan hệ giữa tính chủ động và tích cực của con người với tính quy định chặt chẽ của cấu trúc xã hội. Cho tới nay, các nhà xã hội học vẫn đang chia rẽ và tranh cãi với nhau xung quanh lời đáp cho câu hỏi sau mà nhiều người coi là đã trở thành song đề lý thuyết trong xã hội học: chúng ta là những chủ thể hành động mang tính sáng tạo, tích cực kiểm soát những điều kiện sống của bản thân ta, hay hầu hết những gì chúng ta làm chỉ là kết quả của các thể lực xã hội tổng quát vốn nằm ngoài tầm kiểm soát của chúng ta? Có hai quan điểm trái ngược trả lời cho câu hỏi này: quan điểm thứ nhất (mà thuật ngữ chuyên môn tiếng Anh gọi là “action” hay “agency”) thì khẳng định tính tích cực chủ động của con người hành động (actor); còn quan điểm thứ hai quả quyết rằng các thể lực xã hội, hay cấu trúc xã hội (structure) là nhân tố quy định và chi phối con người (Scott et al., 2005:3-4, 644-645; Giddens, 2006:105).

Tác phẩm của Berger nổi bật lên mong muốn dung hòa giữa hai quan điểm, hai cách tiếp cận đối lập nhau đó: sự tự chủ của con người và quyền lực cưỡng ép của cấu trúc xã hội. Cụ thể ông nhấn mạnh rằng con người có vai trò tích cực chủ động nhất định, họ tạo ra xã hội, và xã hội là do con người thiết kế nên, nhưng đồng thời họ cũng chịu sự câu thúc, ràng buộc của xã hội. Chủ đề đó đã trở thành sợi chỉ đỏ xuyên suốt cuốn “Lời mời...”.

Những sức mạnh ràng buộc, câu thúc của xã hội

Một mặt Berger đã chỉ ra quyền năng của xã hội trong việc nhào nặn hành động và tư duy con người. Ông dành riêng chương 4 (“Con người trong xã hội”) tìm hiểu chủ đề này thông qua xem xét hai lĩnh vực: kiểm soát xã hội và phân tầng xã hội.

Ông hiểu kiểm soát xã hội là “những phương tiện khác nhau mà một xã hội sử dụng để đưa những thành viên bướng bỉnh ngang ngược trở lại tuân theo đường hướng chung” (Berger, 1963:83). Lần lượt điếm qua các phương tiện kiểm soát như bạo lực thể xác, hăm dọa, thuyết phục, chế nhạo, dựng chuyện tầm phào và sỉ nhục giữa nơi đông người, ông viết, “vậy thì có thể hình dung người ta đứng ở trung tâm (tức là ở điểm chịu sức ép tối đa) của các vòng tròn đồng tâm, mỗi vòng thể hiện một hệ thống kiểm soát xã hội” (Berger, 1963:89). Những vòng tròn đó bao gồm hệ thống chính trị pháp lý, đạo đức, phong tục tập quán, nghề nghiệp và thậm chí cả gia đình, nơi nhiều người vẫn tưởng là họ được tự do nhưng thực ra họ vẫn chịu sự kiểm soát. Berger viết rất hài hước và sinh động: “Một cá nhân sau khi lần lượt điếm qua trong ý nghĩ về tất cả những người mà ở vị thế của anh ta, anh ta phải chiều lòng, từ Vị nhân viên thu thuế thuộc Sở Thuế vụ đến bà mẹ vợ anh ta, đã đi đến nhận định rằng cả xã hội đang đè đầu cưỡi cổ anh ta [...]” (Berger, 1963:94).

Lĩnh vực thứ hai là phân tầng xã hội mà ở phương Tây hiện đại chính là giai cấp. “Mỗi môi trường giai cấp tạo nên một nhân cách phù hợp với nó bằng vô số những tác động gây ảnh hưởng từ khi sơ sinh và dẫn đến hoặc là việc tốt nghiệp trường dự bị hoặc

là vào trường giáo dưỡng, tùy từng trường hợp” (Berger, 1963:98). Berger nhấn mạnh rằng “vị thế xã hội quy định cuộc sống của chúng ta với một sức kiểm soát ngặt nghèo [...]” (Berger, 1963:101).

Hơn thế nữa, con người còn bị sự chi phối không chỉ của những kẻ đương thời với mình, mà cả của tiền nhân. Như Berger viết, “mỗi tình huống xã hội bao quanh chúng ta được xác định không chỉ bởi những người cùng thời với chúng ta, mà còn bị quy định trước bởi tiền nhân của chúng ta” (Berger, 1963:101). Các cấu trúc xã hội tác động đến chúng ta thông qua các thể chế, tức là những khuôn mẫu hành vi buộc ta phải theo. Berger hiểu “một thể chế là một cơ quan điều tiết, nó xây dựng định hướng cho hành động của con người giống hệt như các bản năng vẫn xây dựng định hướng cho hành vi động vật. Nói cách khác, thể chế cung cấp những thể thức thủ tục để qua đó đưa hành vi con người vào khuôn khổ, thành mẫu hình, và buộc phải đi theo những lối mòn mà xã hội mong muốn. Và thủ thuật này được thực thi bằng việc làm cho những lối mòn này xuất hiện trước cá nhân như là cách thức khả dĩ duy nhất” (Berger, 1963:104).

Cuối cùng, Berger kết luận: “[...] nếu chúng ta theo quan niệm của Durkheim thì xã hội đối mặt chúng ta như một thực thể khách quan. Nó tồn tại ở đó, như một điều gì đấy không thể phủ nhận và ta phải tính đến nó. Xã hội ở bên ngoài chúng ta. Nó vây quanh ta, bao bọc tất cả mọi mặt cuộc sống của chúng ta. Chúng ta sống *trong* xã hội, được định vị ở một trong những lĩnh vực cụ thể của hệ thống xã hội. Vị trí này quy định trước và xác định sẵn gần như mọi thứ chúng ta làm, từ ngôn ngữ đến phép xã giao, từ niềm tin tôn giáo chúng ta theo đến xác suất chúng ta có thể tự tử. Trong vấn đề vị thế xã hội này, nguyện vọng của chúng ta không hề được tính đến, và sự kháng cự về trí tuệ của chúng ta đối với điều mà xã hội bắt ta phải làm hay cấm đoán ta thì giới lắm chỉ mang lại rất ít hiệu quả, còn thường là không hề có hiệu quả gì. Với tư cách một thực thể khách quan và ngoại tại, xã hội đặc biệt đối diện ta dưới hình thức cưỡng bức. Các thể chế của nó khép hành động của chúng ta vào khuôn vào phép, thành mẫu hình và thậm chí định dạng những điều chúng ta kỳ vọng. Họ ban thưởng cho chúng ta đến mức tự chúng ta không vượt ra khỏi những thao diễn đã chỉ định cho chúng ta. Nếu chúng ta bước ra khỏi những điều đã chỉ định này, xã hội có trong tay gần như vô số cơ quan kiểm soát và cưỡng chế khác nhau. Vào mỗi thời điểm sống, các chế tài của xã hội có khả năng cô lập chúng ta khỏi những người đồng loại của chúng ta, biến chúng ta thành đối tượng cười nhạo, tước đoạt phương tiện sinh sống và quyền tự do của chúng ta, và như là phương sách cuối cùng - tước đoạt ngay chính cuộc sống của chúng ta” (Berger, 1963:108).

Với tất cả những câu thúc chính thống và không chính thống, thì tự do thuần túy đối với người hành động cá nhân là không dễ có. Tính đến tất cả những kỳ vọng và kiểm soát vây quanh ta, Berger vẽ chân dung xã hội như một nhà tù: “[...] xã hội trông giống như là trại giam Alcatraz không lồ hơn là bất kỳ thứ gì khác” (Berger, 1963:107).

Những sức mạnh bên trong, nội tâm khiến con người tự nguyện tuân thủ sự kiểm soát xã hội

Nhưng không giống những tù nhân thông thường, các thành viên của hầu hết xã hội

đều tự nguyện và tự do tuân thủ - họ thực sự muốn làm những điều người ta kỳ vọng họ làm. Câu hỏi đặt ra là vì sao như vậy? Berger dành riêng chương 5 (“Xã hội trong con người”) để trả lời câu hỏi này. Lời đáp là: xã hội đã dạy dỗ, rèn luyện và xã hội hóa con người để họ chấp nhận cách thức hành động của nó.

Trong số cả chuỗi những hành vi có thể thực thi, con người thuộc một xã hội cụ thể chỉ chọn một phạm vi những khả năng lựa chọn hạn hẹp. Nghịch lý là ở chỗ: trong khi xã hội giống như một nhà tù đối với những người bị mắc kẹt giữa những đòi hỏi của nó, nó lại không bị họ coi là nhà tù, và nó không hạn chế tự do cá nhân của họ: “Đối với hầu hết chúng ta xem ra lại rất dễ dàng mang vác cái ách treo buộc trên cổ của xã hội. Vì sao thế? Chắc chắn không phải bởi quyền lực của xã hội yếu kém hơn là mức độ mà chúng ta đã chỉ ra ở chương trước. Vậy thì vì sao chúng ta không bị cơ khổ bởi quyền lực này? [...] bởi lẽ phần lớn thời gian ngay bản thân chúng ta cũng mong muốn chính điều mà xã hội kỳ vọng ở chúng ta. Chúng ta *mong muốn* tuân thủ những quy tắc. Chúng ta *mong muốn* những phần những việc mà xã hội đã chỉ định cho chúng ta” (Berger, 1963:110). Nói cách khác, cá nhân không thấy xã hội là nhà tù bởi họ đã nhập tâm nền văn hóa của họ. Vậy thì văn hóa không phải tự do, mà là sự câu thúc. Berger chứng minh điều đó bằng việc xem xét ba lĩnh vực: lý thuyết vai trò, xã hội học tri thức và lý thuyết nhóm quy chiếu.

Có thể tóm lược lập luận của ông như sau. Trước hết, theo lý thuyết vai trò, khi cá nhân thủ một vai trò xã hội nhất định, anh ta nhập tâm nó, và trở thành chính vai trò đó, chứ không thể tự do sống khác đi. Vai trò trở thành bản chất của anh ta. Như ông viết, “[...] con người đóng những vai kịch trong tấn trò đời lớn lao của xã hội, và [...] anh ta *chính là* những chiếc mặt nạ mà anh ta phải đeo để đóng vai” (Berger, 1963:123).

Còn xã hội học tri thức “[...] chỉ cho chúng ta thấy rằng các ý tưởng cũng như con người đều có vị trí về mặt xã hội” (Berger, 1963:129). Theo nghĩa đó, cá nhân không được tự do nhận thức, mà bị sự chi phối, tiền định bởi vị trí xã hội của mình: “tình cảm và sự nhìn nhận bản thân của anh ta được xã hội tiền định cho anh ta, và cách tiếp cận nhận thức của anh ta đối với cái vũ trụ bao quanh anh ta cũng vậy” (Berger, 1963:136). Theo Berger, “[...] xã hội cung cấp cho ta những giá trị của chúng ta, logic của chúng ta và kho dự trữ thông tin (hay thông tin sai) vốn tạo nên “tri thức” của chúng ta. Rất ít người có khả năng đánh giá lại cái đã được áp đặt cho họ như vậy, và họ thậm chí chỉ có thể xem xét những phân mảnh của thế giới quan này. Thực sự họ cảm thấy khó cần đánh giá lại, bởi cái thế giới quan mà họ được xã hội hóa theo đã tự nó hiển nhiên đối với họ. Vì nó cũng được hầu khắp mọi người mà họ gặp gỡ trong xã hội của họ nhìn nhận như thế, cái thế giới quan này tự chứng thực mình là hợp lệ. “Bằng chứng” của nó nằm ở kinh nghiệm lặp đi lặp lại của những người khác, những kẻ đã coi nó là đương nhiên” (Berger, 1963:136).

Cuối cùng là nhóm quy chiếu, tức “một tập thể mà ý kiến, niềm tin và đường lối hành động có tác dụng quyết định đối với sự hình thành ý kiến, niềm tin và đường lối hành động của bản thân chúng ta. Nhóm quy chiếu cung cấp cho chúng ta một mô hình

để ta có thể không ngừng so sánh với bản thân mình” (Berger, 1963:137). Tác động của nhóm quy chiếu đối với sự tự do lựa chọn của cá nhân là như sau: “Lý thuyết nhóm quy chiếu cho thấy rằng tư cách thành viên hay không là thành viên về mặt xã hội thường kéo theo nó những cam kết cụ thể về nhận thức” (Berger, 1963:138-139). Xuất phát từ thôi thúc nguyên thủy muốn được chấp nhận trong nhóm, con người ta thu hẹp sự lựa chọn của mình cho khớp với nhận thức chung của những người cùng nhóm, và qua đó hạn chế tự do của mình lại.

Vậy là con người ta được dạy dỗ để chấp nhận, và họ chấp nhận sự câu thúc của xã hội. Như lời Berger, “xã hội thâm nhập vào bên trong chúng ta ngang với mức xã hội bao bọc bên ngoài chúng ta. Việc chúng ta bị sự câu thúc của xã hội được xác lập bằng sự chinh phục cũng như sự thông đồng ở mức độ ngang nhau. Dĩ nhiên đôi khi chúng ta bị xô đẩy phải phục tùng. Nhưng thường xuyên hơn nhiều thì chúng ta bị sập bẫy do chính bản chất xã hội của chúng ta. Những bức tường nhà giam của chúng ta đã sẵn có ở đó trước khi chúng ta xuất hiện trên sân khấu, nhưng chúng cũng được chính bản thân ta xây dựng lại. Chúng ta bị phản bội đến nỗi sa vào trạng thái giam cầm với sự hợp tác của chính chúng ta” (Berger, 1963:140-141).

Sự tích cực, chủ động của con người

Tiếp đó, trong chương 6 (“Xã hội như kịch trường”), Berger đưa ra những biến thái nhằm cung cấp một hình ảnh khác về xã hội. Nếu như cách tiếp cận của Durkheim nhấn mạnh tính chất ngoại tại, khách quan, gần như “sự vật” của hiện thực xã hội và cho ta hình ảnh xã hội như một nhà tù, thì ở đây, dựa vào cách tiếp cận của Weber, ông đã nêu lên một hình ảnh khác, trong đó con người không hoàn toàn là tù nhân, mà có sự tích cực chủ động nhất định. “Thật đúng khi nói rằng xã hội là một thực tế khách quan, cưỡng bức và thậm chí tạo ra chúng ta. Nhưng cũng đúng khi nói rằng những hành động có chủ đích của chính chúng ta đã giúp hỗ trợ tòa nhà của xã hội và nếu có dịp thậm chí còn giúp thay đổi nó” (Berger, 1963:149). Cụ thể hơn, “các hệ thống kiểm soát thường xuyên cần sự thừa nhận và tái thừa nhận của những người mà chính chúng định kiểm soát. Có thể rũ bỏ sự thừa nhận đó theo nhiều cách” (Berger, 1963:150). Berger xem xét ba cách, ba hành động mà con người có thể tiến hành để hủy bỏ sự kiểm soát xã hội và thay đổi hoàn cảnh của mình: chuyển hóa, thoát ly và thao túng.

Chuyển hóa hiện thực tức là thay đổi cách xác định hiện thực. Theo Berger, “[...] bất kỳ quá trình biến đổi xã hội nào đều gắn liền với những cách xác định mới về hiện thực. Bất kỳ sự tái xác định nào cũng đều có nghĩa rằng một ai đó bắt đầu hành động trái ngược với những điều mà người ta kỳ vọng ở anh ta khớp theo cách xác định cũ” (Berger, 1963:150). Thông qua ví dụ về vị chủ nô kỳ vọng người nô lệ cúi rạp người xuống chào mình, song ông ta lại bị quả đấm vào mặt, hay vị quân vương bị mất thiêng trong con mắt thần dân trước khi ngai vàng của ông ta bị sụp đổ, Berger chứng minh rằng những người thấp cổ bé họng đã xác định lại vị thế của bề trên, qua đó thay đổi hoàn cảnh xã hội xung quanh mình. Ông còn dẫn ra nhiều ví dụ thông thường hơn trong đó các tình huống xã hội cụ thể được chuyển hóa hay ít nhất bị phá hoại ngầm bằng sự từ chối

những cách xác định cũ về chúng (Berger, 1963:151-152).

Cách thứ hai là thoát ly, tức “một phương pháp kháng cự lại sự kiểm soát xã hội” (Berger, 1963:152). Theo ông, “con người, dù một mình hay trong nhóm, đều hoàn toàn có thể kiến tạo nên những thế giới của riêng họ và trên cơ sở này, đưa mình thoát ly khỏi cái thế giới nơi ban đầu họ đã được xã hội hóa theo” (Berger, 1963:154).

Cách thứ ba là thao túng. “Ở đây cá nhân không cố chuyển hóa các cấu trúc xã hội, mà anh ta cũng chẳng thoát ly khỏi chúng. Đúng hơn anh ta chủ định sử dụng chúng theo những cách thức mà những người bảo vệ hợp pháp của chúng không hề dự kiến trước, mở một con đường xuyên qua khu rừng xã hội cho khớp với mục đích của riêng anh ta” (Berger, 1963:154).

Berger đưa ra nhiều ví dụ khác nữa để chứng minh tính tích cực chủ động của con người. Chẳng hạn xuất phát từ một khái niệm then chốt của xã hội học là “vai trò” và nguồn gốc từ nguyên của nó là sân khấu, ông coi xã hội như kịch trường và chỉ rõ tính tích cực chủ động của con người thể hiện ở chỗ nào. Khi thủ một vai trò xã hội nhất định, họ tạo ra cái gọi là “khoảng cách vai trò”, tức là “việc thủ vai không nghiêm túc, không thật sự muốn thủ vai và với một mục đích không nói ra” (Berger, 1963:156). Hiện tượng này khá phổ biến. “Mọi tình huống mang tính cưỡng bức nghiệt ngã đều sẽ sản sinh ra hiện tượng này” (Berger, 1963:156). Khoảng cách ấy là nơi “người ta chủ định thủ một vai trò mà trong thâm tâm không hề đồng nhất mình với nó, nói cách khác, nơi mà người hành động thiết lập một khoảng cách nội tại giữa ý thức của anh ta với việc anh ta thủ vai ấy” (Berger, 1963:156).

Với những lập luận như vậy, Berger lần lượt đưa độc giả đến với ba bức tranh về xã hội: một nhà tù, một nhà hát múa rối, và một sân khấu với những diễn viên sống. Ông viết: “[...] trên sân khấu người diễn viên chịu sự câu thúc của tất cả những sự kiểm soát bên ngoài do các ông bầu đặt ra cũng như sự kiểm soát bên trong của bản thân vai trò. Mặc dù vậy, họ có sự lựa chọn – hoặc là thủ phân vai của họ một cách hào hứng hay ủ rũ, hoặc thủ vai với niềm tin nội tại hay với một “khoảng cách”, và đôi khi từ chối hoàn toàn cuộc chơi” (Berger, 1963:159). Như vậy, từ bức thứ nhất đến bức thứ ba, tính chất câu thúc, áp đặt của cấu trúc xã hội đã dần dần bị bớt đi sức mạnh và độ đậm đặc, mà mờ nhạt đi, còn tính chủ động sáng tạo của con người tăng dần lên và rõ nét hơn.

Bằng cách như vậy, Berger chứng minh đầy sức thuyết phục tính chủ động sáng tạo của con người, và biến thái cái quyết định luận nghiệt ngã mà ban đầu tư duy xã hội học nêu ra. “Mặc dù trong thực tế các thể chế của xã hội câu thúc và cưỡng chế chúng ta, song chúng đồng thời cũng mang dáng vẻ của những quy ước, thậm chí là hư cấu kịch trường. [...] Hành động theo tấn kịch xã hội, chúng ta cứ làm ra vẻ như những quy ước mong manh này là những chân lý vĩnh cửu. Chúng ta hành xử *như thể* chẳng có cách nào khác để là một con người, một chủ thể chính trị, một con chiên ngoan đạo hay một người đang hành nghề nào đấy – nhưng đôi lúc ngay những kẻ kém thông minh nhất trong chúng ta cũng có thể chợt nghĩ ra rằng chúng ta vẫn có thể làm những điều rất, rất khác” (Berger, 1963:159-160).

Cuối cùng, Berger kết luận: “Khác với những con rối, chúng ta có khả năng dừng những cử động của mình, ngẩng lên nhìn và cảm nhận được cái bộ máy đã khiến chúng ta cử động. Chính trong hành động này có bước tiến đầu tiên tới tự do” (Berger, 1963:199).

Sau những nỗ lực xây dựng lý thuyết nhằm dung hòa cấu trúc với hành động, vĩ mô với vi mô của P. Bourdieu (1972/1977), A. Giddens (1984) v.v., thì ngày nay điều này có vẻ hiển nhiên. Nhưng vào thời điểm nó được công bố (năm 1963), khi các nhà xã hội học chủ yếu nhấn mạnh sức mạnh chi phối và quy định hết thảy của các cấu trúc xã hội trên quy mô lớn và mang tính chất phi cá nhân, thì cách nhìn của Berger là những khám phá rất mới mẻ. Nói cách khác, cần đặt cái luận thuyết dung hòa điều mà A. Giddens gọi là “song đề lý thuyết” khó khăn giữa cấu trúc và hành động này trong bối cảnh lịch sử cụ thể (tức là cách đây gần nửa thế kỷ, khi mà hầu hết các nhà xã hội học chỉ thấy khía cạnh cấu trúc) để thấy rõ ý nghĩa mới mẻ, táo bạo và đột phá của nó.

Như vậy, dựa vào cả Durkheim lẫn Weber và kết hợp hai người khổng lồ lại, với quan niệm dung hòa cái song đề này, Berger đã hoàn thành xuất sắc một nhiệm vụ rất quan trọng của người thụ giáo khai tâm cho những ai mong muốn tìm hiểu và bước vào làm nghề xã hội học. Đó là trang bị cho họ một nhãn quan, một cách nhìn riêng và khác biệt của xã hội học, theo đó con người vừa bị xã hội cấu trúc vừa có sự tích cực chủ động nhất định. Về tầm quan trọng của việc trang bị nhãn quan này, chúng ta hãy nghe lời một nhà nghiên cứu sau đây: mặc dù lớp nhập môn xã hội học thường truyền đạt một số thông tin về xã hội, điều quan trọng hơn là sinh viên nắm vững một số khái niệm nền tảng (vai trò, tương tác, cơ cấu, xung đột, xã hội hóa v.v.), nhưng “điều còn quan trọng hơn nữa là truyền thụ cho sinh viên những kiến thức vững vàng về một số nguyên lý cơ bản hay những *siêu khái niệm* vốn khu biệt nhãn quan xã hội học về các sự vật [...]” (Babbie, 1994:196). Nói khác đi, điều quan trọng nhất không phải cung cấp những khái niệm cơ bản, mà chính là trang bị cho sinh viên và người mới vào nghề một cách nhìn, một nhãn quan xã hội học. Bằng cuốn “Lời mời...”, Berger đã truyền thụ một cách xuất sắc kiến thức về những nguyên lý cơ bản và trang bị một nhãn quan cho người mới vào nghề.

Xã hội học và tính nhân văn của nó

Đối với Berger, việc hiểu quyền năng của xã hội là bước đầu tiên tiến tới giác ngộ được rằng chúng ta là ai, và chúng ta có thể làm gì để kiểm soát cuộc sống của chính chúng ta. Cá nhân sống trong lòng một xã hội mà ông gọi là một “nhà giam chúng ta trong lịch sử” (Berger, 1963:109), nhưng ông cũng bảo ta rằng: xã hội học có thể giúp giải phóng chúng ta. Ông dành chương 7 để chứng minh điều đó. “[...] xã hội học có khả năng giúp những cá nhân nắm vững nó tiến tới một sự nhân đạo hóa nhất định trong cách họ nhìn hiện thực xã hội” (Berger, 1963:176). Bằng cách nêu bật lên rằng “xã hội vừa quy định con người, và đến lượt mình - vừa bị con người quy định” (Berger, 1963:176), xã hội học mở ra khả năng thay đổi hiện thực xã hội.

Theo Berger, cần trả lời câu hỏi lựa chọn này: xã hội học về cơ bản quan tâm đến việc thu thập dữ liệu thực nghiệm về hành vi con người theo một nghĩa khoa học, hay còn nghiên cứu những điều kiện sẽ cho phép cá nhân phát huy hết tiềm năng của họ bằng một

cách thức nhân văn chủ nghĩa? Berger cho rằng xã hội học phải được sử dụng vì lợi ích của nhân loại. Khi nhà xã hội học thực thi nhiệm vụ với cái nhìn sắc sảo, sự nhạy cảm, cảm tình, sự khiêm nhường và một mong muốn hiểu tình trạng nhân sinh, hơn là với thái độ vị khoa học lạnh lùng và không một chút hài hước, thì dĩ nhiên nhân quan xã hội học giúp làm sáng tỏ đời sống xã hội của con người. Theo nghĩa đó, ông cho rằng xã hội học là một ngành khoa học mang tính nhân văn, nhân đạo bởi nó quan tâm đến việc cải thiện điều kiện sống của con người và sự phát triển đầy đủ nhất của con người. Đây chính là lý do vì sao chương 8 (chương cuối cùng) mang nhan đề “Xã hội học với tư cách là một ngành nhân văn” và đây cũng chính là ý nghĩa của chương.

Tính nhân văn của xã hội học thể hiện ở những giá trị này: thứ nhất là sự hài hước mỉa mai. Thứ hai là “sự khiêm nhường trước sự cực kỳ phong phú của cái thế giới mà người ta đang khảo sát, sự nép mình đi để tìm kiếm sự thấu hiểu, trung thực và chính xác trong phương pháp, tôn trọng những kết quả thu được một cách trung thực, kiên nhẫn và sẵn lòng để được chứng minh là mình sai và xem lại lý thuyết của mình, và cuối cùng nhưng không phải kém quan trọng nhất, cộng đồng những cá nhân khác vốn cùng chia sẻ những giá trị này” (Berger, 1963:188). Thứ ba, “sự đặc biệt chú ý tới những vấn đề mà các học giả khác có thể coi là chán ngắt và không đáng làm đối tượng cho sự tìm hiểu khoa học - một điều mà người ta có thể gần như gọi là một trọng tâm quan tâm đầy tinh thần dân chủ trong cách tiếp cận xã hội học. Mọi điều thuộc bản chất con người hay mọi điều con người làm, bất kể nó tầm thường cỡ rích đến đâu, đều có thể trở nên có ý nghĩa đối với nghiên cứu xã hội học” (Berger, 1963:188). Thứ tư, giá trị tiếp nữa là “lắng nghe những người khác mà không tự nói ra quan điểm riêng của mình ” (Berger, 1963:188). Thứ năm, nhà xã hội học “đánh giá kết quả anh ta tìm ra, chùng nào anh ta có khả năng tâm lý để làm như vậy, mà không quy chiếu vào những định kiến, yêu hay ghét, hi vọng hay nỗi sợ hãi của chính mình” (Berger, 1963:188-189).

“Cách hiểu như vậy về vị trí nhân văn chủ nghĩa của xã hội học hàm ý rằng phải có một tư duy mở ngỏ và một tầm nhìn rộng lượng” (Berger, 1963:190). Điều này đòi hỏi nhà xã hội học phải không ngừng làm phong phú cho vốn tri thức của mình bằng cách giao lưu liên tục với các ngành khoa học khác, trước hết là sử học và triết học (Berger, 1963:191). Tất cả đều nhằm mục đích là giúp con người “dừng những cử động của mình, ngẩng lên nhìn và cảm nhận được cái bộ máy đã khiến chúng ta cử động”. “Và cũng trong cùng hành động này, chúng ta thấy lời biện luận cuối cùng và quyết định cho xã hội học với tư cách một ngành nhân văn” (Berger, 1963:199).

Văn phong đặc sắc

Một ưu điểm rất đáng kể nữa của “Lời mời...” là văn phong. Đây là một cuốn sách nhập môn được viết rất hàm súc, ngắn gọn, hấp dẫn và tao nhã để làm nổi bật một nhân quan xã hội học rất khác biệt. Đồng thời cách viết của cuốn sách cũng không giống với hầu hết các văn bản xã hội học khác.

Tác giả sử dụng ví dụ từ nhiều lĩnh vực khác nhau để minh họa cho ý tưởng của mình, cũng như từ đời sống xã hội Mỹ, địa danh ở Mỹ v.v. vốn có vẻ xa lạ với một vài

độc giả Việt Nam. Tuy nhiên, sau đó ông chốt lại ở những ý chính mà ta có thể gạch dưới, còn ví dụ thì chỉ giúp cho việc đọc trở nên dễ hiểu mà thôi. Nói cách khác, độc giả không cần sa đà vào những điều mang tính chất địa phương cục bộ này; thay vào đó nên lưu tâm đến những cái phổ quát mà tác giả muốn rút ra từ đây.

Tác giả trích dẫn rất nhiều công trình của không riêng xã hội học, mà cả của những ngành mà Berger khuyên giới xã hội học nên làm bạn đường (vì họ giúp ích rất nhiều cho xã hội học) – cụ thể là triết học và sử học. “Có thể dễ dàng tránh được sự ngớ ngẩn của một vài công trình xã hội học nào đó [...] bằng một mức độ am tường hai lĩnh vực này” (Berger, 1963:191). Hơn thế nữa, ông còn trích dẫn rộng rãi không chỉ từ những lĩnh vực gần gũi như nhân học, mà cả từ lĩnh vực mà nhiều người coi là rất xa xã hội học như văn chương (thơ ca, tiểu thuyết v.v.). Điều đó cho thấy sức đọc và vốn đọc phi thường cùng học vấn cực kỳ uyên bác của ông.

Cuốn sách dùng nhiều cụm từ và thành ngữ của tiếng Latin cùng các ngôn ngữ khác như tiếng Pháp, tiếng Đức v.v. Đối với những ai vốn quen với cách hiểu coi xã hội học chỉ bao gồm dữ liệu định lượng, bảng biểu và con số, điều này có thể gây dị ứng. Tuy nhiên, những cụm từ và thành ngữ này vốn rất thông dụng trong giới học thuật, và đây lại là một chỉ báo cho thấy tác giả chịu ảnh hưởng sâu sắc truyền thống học thuật châu Âu, theo đó không riêng con số mà cả ngôn từ cũng đều là công cụ biểu đạt quan trọng của xã hội học. Nhà xã hội học cần mở rộng tâm trí đón nhận một phong cách và một truyền thống học thuật sâu sắc hơn, quảng bác hơn. Nếu không thế, thì theo lời của chính Berger, đó đích thị là thứ xã hội học mà ông đã nhận xét: “[...] hiện nay thật ra nhiều điều mà người ta đặt dưới tiêu đề xã hội học quả là xứng đáng được gọi tên là mọi rợ nếu như từ này dùng để chỉ sự dốt nát về lịch sử và triết học, tình trạng thu mình làm chuyên gia quá hạn hẹp mà không biết đến những chân trời rộng hơn bên ngoài, *chỉ mê mải với những kỹ năng kỹ thuật và hoàn toàn vô cảm với việc sử dụng ngôn từ*” (Berger, 1963:23; tôi in nghiêng - PVB).

Trên hết và bao trùm lên tất cả là một thứ văn phong hài hước và hóm hỉnh. Độc giả dù khó tính cũng không khỏi bật cười với những câu mà tác giả viết khi đứng từ góc nhìn của một người đàn ông như sau: “Có thể là một thảm họa kinh tế nếu rút cục vị sếp của ta kết luận rằng ta là một kẻ vô tích sự, nhưng một nhận xét như vậy có thể gây tác động tàn phá về tâm lý còn hơn thế nhiều nếu ta phát hiện ra rằng vợ ta cũng đi đến cùng một kết luận ấy” (Berger, 1963:93). Bằng một lối hành văn có thể tạm gọi là “tung tung” như vậy, Berger đề cập đến thói quen nghề nghiệp là dựa vào một vài thông số đã biết về một con người mà xã hội học nghiên cứu để suy luận và đoán ra những đặc điểm khác: nhà xã hội học “[...] có thể đoán số con mong muốn của đương sự và liệu ông ta có quan hệ tính dục với vợ mình dưới ánh đèn sáng hay tắt đèn” (Berger, 1963:97). Đây không phải những trường hợp đơn lẻ, mà hài hước đã trở thành một nét quán xuyến trong phong cách của Berger. Ông coi hài hước cũng là một phương pháp nhận thức: con người ta hiểu biết được nhiều điều chỉ trong lúc cười, và sự cười cợt mang lại những góc nhìn có lợi cho nhận thức. Việc nghiên cứu đời sống

xã hội “[...] được hưởng lợi rất nhiều từ những góc nhìn mà người ta chỉ có thể đạt được khi cười cợt” (Berger, 1963:187). Hơn thế nữa, theo ông, nhà xã hội học không chỉ hài hước về đời sống xã hội, mà còn hài hước về chính mình, ngành mình, và sự hài hước, thậm chí mỉa mai, là dấu hiệu cho thấy chất nhân văn của ngành khoa học: “[...] riêng sự hiện diện thuần túy của chủ nghĩa hoài nghi mỉa mai về việc làm của chính họ ở một ngành học thuật đã là một dấu hiệu nói lên tính chất nhân văn chủ nghĩa của nó” (Berger, 1963:187).

Chính vì những đặc điểm về nội dung và văn phong giàu cảm xúc, đầy hình ảnh, súc tích và tao nhã như vậy mà nhiều người cho rằng “tự bản thân cuốn sách cũng mang lại niềm vui khi đọc” (Jary et al., 1991:32).

Độc giả nên đặt điều này trong bối cảnh chung của xã hội học Mỹ thời điểm Berger xuất bản cuốn sách, cụ thể là năng lực viết nghèo nàn và dở một cách tệ hại của nhiều nhà xã hội học - đến nỗi theo nhận xét của Howard Becker (1986:1), các nhân vật văn học có thể đùa cợt về tệ viết dở đó chỉ bằng cách nói: “Xã hội học mà lý!”. Phong cách viết thịnh hành nhất thời ấy là trình bày bảng biểu cùng số liệu thống kê. Trong bối cảnh này, thì cuốn “Lời mời...” là một điểm son thật sáng. Độc giả thậm chí sẽ bất ngờ nếu biết rằng Berger cũng là một nhà văn viết tiểu thuyết (Abercrombie et al., 2006:30).

Cuối cùng xin nói đôi lời về độc giả của sách. Mặc dù ở lời tựa Berger đã xác định đối tượng mà sách nhằm đến, nhưng như ông đã viết - rằng nhiều hành động dẫn đến những hậu quả mà người hành động không trừ tính trước (Berger, 1963:52) - cuốn sách này thu hút ba nhóm độc giả chính.

Thứ nhất, sinh viên các lớp xã hội học nhập môn hay những ai không có đủ thì giờ theo hết một lớp xã hội học song vẫn muốn hiểu cách nhà xã hội học làm việc và suy nghĩ. Cuốn sách đặt mục tiêu mời nhóm độc giả đó “đến với một thế giới trí tuệ” mà ông coi là “cực kỳ tuyệt diệu và có ý nghĩa” (Berger, 1963:7). Và khi đã xác định mục tiêu như vậy, thì yêu cầu đặt ra là cần giới thiệu để họ biết nơi chốn họ sẽ bước tới: “Đưa ra lời mời như thế thì cần nêu rõ cái thế giới mà độc giả được mời vào” (Berger, 1963:7). Như chúng ta vừa thấy, tác giả đã hoàn thành mục tiêu ấy một cách xuất sắc. Mượn một câu thơ Kiều “Vỡ lòng học lấy những nghề nghiệp hay”, có thể nói độc giả mới vào nghề đã được một bài học vỡ lòng lý thú về một nghề nghiệp hay.

Nhưng có một đối tượng khá bất ngờ khác nữa của cuốn sách. Ấy là những nhà xã hội học nào vì quá mải mê với nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu mà đôi khi quên mất niềm vui, nổi hào hứng sôi nổi của xã hội học - tức cái nghề mà họ đang làm. Nếu khi đọc cuốn sách này, họ nhớ ra và lại nhận thấy những niềm vui đó, thì người viết đã thành công.

Thứ ba và sau chót, sách dành cho cả những ai vốn thường chỉ trích chê bai xã hội học một cách vô căn cứ (ví dụ một vài nhà văn, Berger, 1963:22-23). Chắc chắn họ cần thay đổi ý kiến của mình khi đọc xong cuốn sách.

Dù quý vị là ai trong số ba nhóm đối tượng trên, xin hãy thử đọc “Lời mời ...” và ngẫm nghĩ cùng với nó. Hi vọng rằng từ hành động “cảo thơm lần giở trước đèn” này, quý vị sẽ tìm thấy những niềm vui và điều bổ ích mà bài viết không thể giới thiệu hết được.

Tài liệu trích dẫn

- Abercrombie, N. et al. 2006. *The Penguin Dictionary of Sociology*. Fifth Edition. London: Penguin
- Babbie, E. 1994. *The Sociological Spirit: Critical Essays in a Critical Science*. Belmont: Wadsworth Publishing Company
- Becker, H. 1986. *Writing for Social Scientists: How to Start and Finish Your Thesis, Book or Article*. Chicago: Chicago University Press
- Berger, P. 1963. *Invitation to Sociology: a Humanistic Perspective*. Harmondsworth: Penguin Books Ltd.
- Bilton, T. et al. 1987. *Introductory Sociology*. Second Edition. London: Macmillan (bản dịch tiếng Việt: 1993. *Nhập môn xã hội học*. Hà Nội: Nhà xuất bản khoa học xã hội)
- Bourdieu, P. 1972/1977. *Outline of a Theory of Practice* (translated by Richard Nice). Cambridge: Cambridge University Press
- Dillon, M. 2006. “Berger, Peter”. Trong: Turner, B. *The Cambridge Dictionary of Sociology*. Cambridge: Cambridge University Press
- Giddens, A. 1984. *The Constitution of Society: Outline of the Theory of Structuration*. Cambridge: Polity Press
- Giddens, A. 2006. *Sociology*. Fifth Edition. Cambridge: Polity Press
- Jary, D. and Jary, J. 1991. *The HarperCollins Dictionary of Sociology*. New York: HarperCollins Publisher
- Landis, J. 2001. *Sociology: Concepts and Characteristics*. Eleventh Edition. Stanford: Wadsworth
- Robertson, I. 1977. *Sociology*. New York: Worth Publishers, Inc.
- Scott, J. et al., 2005. *A Dictionary of Sociology*. Third Edition. Oxford: Oxford University Press
- Stark, R. 2004. *Sociology*. Ninth Edition. Belmont: Wadsworth